

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG
THPT THANH HÀ
LỚP: 12I
GVCN: Nguyễn Thị Khanh

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Lê Thị Thái Anh	HK1	7.1 ₁₈	7.9 ₁₀	7.6 ₁₁	7.8 ₁₉	7.9 ₈	7.0 ₃	7.1 ₁₀	7.4 ₁₂	7.7 ₆	7.4 ₄	6.3 ₂₉	Đ	7.8 ₁₁		7.4 ₄	0 0	K	K	TT	
2	Phạm Tuấn Anh	HK1	7.2 ₁₄	7.5 ₁₉	7.4 ₁₈	8.1 ₁₃	7.6 ₁₆	5.2 ₄₀	7.1 ₁₀	5.9 ₄₀	7.0 ₂₃	7.0 ₁₃	6.0 ₃₅	Đ	6.6 ₃₈		6.9 ₂₇	0 0	K	T	TT	
3	Phạm Thị Cúc	HK1	7.5 ₁₀	7.1 ₂₈	7.7 ₁₀	8.6 ₂	7.6 ₁₆	6.8 ₄	6.7 ₂₄	7.7 ₇	7.4 ₁₂	7.0 ₁₃	6.6 ₁₆	Đ	7.4 ₁₇		7.3 ₈	0 0	K	T	TT	
4	Nguyễn Mạnh Cường	HK1	7.0 ₂₁	7.6 ₁₅	8.2 ₂	8.6 ₂	7.6 ₁₆	6.3 ₁₄	6.8 ₂₂	7.5 ₁₀	6.8 ₂₉	7.4 ₄	6.0 ₃₅	Đ	7.6 ₁₃		7.3 ₈	0 0	K	K	TT	
5	Nguyễn Thế Dân	HK1	7.2 ₁₄	6.6 ₃₃	7.8 ₇	8.2 ₈	7.6 ₁₆	5.6 ₃₄	6.0 ₃₆	6.5 ₃₃	6.9 ₂₅	6.5 ₂₃	6.4 ₂₀	Đ	6.6 ₃₈		6.8 ₃₂	0 0	K	T	TT	
6	Nguyễn Thị Dung	HK1	5.3 ₃₈	6.6 ₃₃	7.3 ₂₀	8.3 ₅	7.6 ₁₆	6.5 ₉	6.6 ₂₅	6.8 ₂₆	7.6 ₉	6.9 ₁₇	7.0 ₂	Đ	7.2 ₂₂		7.0 ₂₁	1 0	K	T	TT	
7	Nguyễn Đức Dương	HK1	6.7 ₂₆	7.0 ₃₁	7.4 ₁₈	8.6 ₂	7.6 ₁₆	5.4 ₃₇	6.3 ₃₀	7.1 ₁₇	7.1 ₁₈	7.1 ₈	6.8 ₈	Đ	6.3 ₄₁		7.0 ₂₁	2 0	K	K	TT	
8	Nguyễn Đức Đạt	HK1	3.8 ₄₁	6.2 ₄₀	5.8 ₄₁	7.0 ₃₃	6.1 ₄₁	5.7 ₂₉	4.6 ₄₁	6.1 ₃₈	6.2 ₃₉	5.9 ₃₆	5.6 ₄₀	Đ	7.1 ₂₄		5.8 ₄₁	13 3	Tb	K		
9	Phạm Hữu Đô	HK1	5.5 ₃₇	7.1 ₂₈	6.8 ₃₄	7.8 ₁₉	8.1 ₃	6.8 ₄	6.4 ₂₈	6.9 ₂₄	7.3 ₁₅	6.6 ₂₁	6.4 ₂₀	Đ	6.8 ₃₆		6.9 ₂₇	0 0	K	T	TT	
10	Nguyễn Hồng Đức	HK1	7.6 ₉	7.3 ₂₆	6.7 ₃₆	6.9 ₃₅	7.9 ₈	5.3 ₃₈	5.8 ₃₈	6.2 ₃₆	6.7 ₃₂	6.5 ₂₃	6.1 ₃₂	Đ	7.1 ₂₄		6.7 ₃₄	0 0	K	T	TT	
11	Nguyễn Thị Chi Hà	HK1	7.0 ₂₁	7.1 ₂₈	7.1 ₂₉	7.9 ₁₇	8.1 ₃	6.5 ₉	7.7 ₂	7.2 ₁₆	7.4 ₁₂	7.1 ₈	6.4 ₂₀	Đ	7.9 ₁₀		7.3 ₈	0 0	K	T	TT	
12	Phạm Khắc Hào	HK1	7.0 ₂₁	7.5 ₁₉	7.6 ₁₁	7.6 ₂₅	7.4 ₃₀	6.0 ₂₀	6.5 ₂₇	7.7 ₇	7.9 ₂	7.1 ₈	6.9 ₃	Đ	7.3 ₁₉		7.2 ₁₃	0 0	K	T	TT	
13	Phạm Mỹ Hào	HK1	8.2 ₄	8.2 ₃	8.0 ₄	7.0 ₃₃	7.9 ₈	7.2 ₁	7.6 ₃	7.3 ₁₄	7.8 ₃	7.8 ₁	6.4 ₂₀	Đ	7.5 ₁₅		7.6 ₁	0 0	K	T	TT	
14	Nguyễn Thị Thúy Hiền	HK1	6.7 ₂₆	7.6 ₁₅	7.3 ₂₀	7.6 ₂₅	7.2 ₃₈	6.3 ₁₄	6.8 ₂₂	6.7 ₂₇	7.8 ₃	6.8 ₂₀	6.4 ₂₀	Đ	7.3 ₁₉		7.0 ₂₁	0 0	K	T	TT	
15	Hoàng Đức Hiệp	HK1	5.3 ₃₈	6.6 ₃₃	6.1 ₄₀	7.6 ₂₅	7.1 ₃₉	6.5 ₉	7.1 ₁₀	6.4 ₃₄	6.8 ₂₉	6.5 ₂₃	6.3 ₂₉	Đ	7.0 ₂₈		6.6 ₃₅	7 5	K	TB		
16	Nguyễn Trung Hiếu	HK1	8.0 ₆	8.0 ₇	8.2 ₂	8.0 ₁₄	7.5 ₂₆	5.8 ₂₅	6.3 ₃₀	7.8 ₅	7.1 ₁₈	6.3 ₃₀	6.5 ₁₈	Đ	7.2 ₂₂		7.2 ₁₃	0 0	K	T	TT	
17	Phạm Thị Hoa	HK1	7.2 ₁₄	8.5 ₁	7.8 ₇	8.2 ₈	7.8 ₁₄	6.3 ₁₄	7.1 ₁₀	8.2 ₁	7.8 ₃	7.6 ₂	6.1 ₃₂	Đ	7.6 ₁₃		7.5 ₃	0 0	K	T	TT	
18	Trần Quốc Hoành	HK1	6.7 ₂₆	8.1 ₅	7.0 ₃₁	7.7 ₂₄	6.9 ₄₀	5.9 ₂₂	6.9 ₁₈	7.6 ₉	7.6 ₉	6.1 ₃₃	6.4 ₂₀	Đ	7.0 ₂₈		7.0 ₂₁	1 0	K	K	TT	
19	Lê Văn Hùng	HK1	6.5 ₂₉	7.3 ₂₆	6.8 ₃₄	5.8 ₄₀	7.5 ₂₆	5.8 ₂₅	6.9 ₁₈	7.0 ₂₀	7.2 ₁₆	5.9 ₃₆	5.6 ₄₀	Đ	7.0 ₂₈		6.6 ₃₅	3 0	K	K	TT	
20	Đào Thị Hường	HK1	6.2 ₃₀	8.1 ₅	7.0 ₃₁	8.3 ₅	7.4 ₃₀	5.5 ₃₆	6.6 ₂₅	6.7 ₂₇	6.5 ₃₅	5.7 ₄₀	6.3 ₂₉	Đ	7.5 ₁₅		6.8 ₃₂	1 0	Tb	T		
21	Nguyễn Văn Lên	HK1	4.7 ₄₀	6.2 ₄₀	6.4 ₃₉	5.2 ₄₁	7.6 ₁₆	5.3 ₃₈	5.4 ₃₉	6.2 ₃₆	7.1 ₁₈	6.0 ₃₅	6.4 ₂₀	Đ	6.8 ₃₆		6.1 ₄₀	13 7	Tb	TB		
22	Nguyễn Thảo Linh	HK1	6.9 ₂₄	7.4 ₂₂	7.2 ₂₅	6.1 ₃₉	7.6 ₁₆	6.6 ₆	6.9 ₁₈	7.5 ₁₀	6.9 ₂₅	7.4 ₄	6.7 ₁₂	Đ	7.7 ₁₂		7.1 ₁₉	2 0	K	T	TT	
23	Trịnh Thị Thùy Linh	HK1	6.9 ₂₄	6.5 ₃₇	7.1 ₂₉	8.0 ₁₄	8.0 ₆	7.1 ₂	7.8 ₁	6.7 ₂₇	7.2 ₁₆	7.1 ₈	6.7 ₁₂	Đ	7.3 ₁₉		7.2 ₁₃	1 0	K	T	TT	
24	Nguyễn Thế Mạnh	HK1	8.0 ₆	7.5 ₁₉	7.0 ₃₁	7.5 ₂₉	7.6 ₁₆	5.7 ₂₉	6.3 ₃₀	6.4 ₃₄	6.5 ₃₅	6.5 ₂₃	6.6 ₁₆	Đ	6.9 ₃₃		6.9 ₂₇	0 0	K	T	TT	
25	Phạm Văn Phương Nam	HK1	7.1 ₁₈	8.0 ₇	7.2 ₂₅	8.0 ₁₄	7.4 ₃₀	5.7 ₂₉	6.2 ₃₃	7.1 ₁₇	5.7 ₄₁	6.3 ₃₀	6.9 ₃	Đ	6.9 ₃₃		6.9 ₂₇	0 0	K	T	TT	
26	Phạm Thị Nga	HK1	5.7 ₃₄	8.2 ₃	7.2 ₂₅	8.2 ₈	7.4 ₃₀	6.6 ₆	6.9 ₁₈	7.9 ₃	6.8 ₂₉	6.9 ₁₇	6.5 ₁₈	Đ	8.0 ₆		7.2 ₁₃	0 0	K	T	TT	
27	Phạm Thị Phương Nga	HK1	7.5 ₁₀	7.6 ₁₅	7.3 ₂₀	8.2 ₈	8.2 ₂	6.6 ₆	7.3 ₈	7.9 ₃	6.7 ₃₂	6.4 ₂₇	7.1 ₁	Đ	8.0 ₆		7.4 ₄	0 0	K	T	TT	
28	Nguyễn Thị Nhung	HK1	7.5 ₁₀	7.7 ₁₄	8.0 ₄	7.9 ₁₇	8.4 ₁	5.9 ₂₂	7.4 ₅	8.2 ₁	7.7 ₆	7.1 ₈	6.8 ₈	Đ	8.1 ₃		7.6 ₁	1 0	K	T	TT	
29	Nguyễn Đăng Phước	HK1	5.8 ₃₂	6.4 ₃₈	6.7 ₃₆	6.4 ₃₇	7.4 ₃₀	5.7 ₂₉	5.2 ₄₀	5.6 ₄₁	7.1 ₁₈	5.9 ₃₆	5.8 ₃₉	Đ	8.1 ₃		6.3 ₃₉	2 2	Tb	K		
30	Nguyễn Thị Phương	HK1	8.4 ₂	8.4 ₂	8.8 ₁	7.8 ₁₉	7.9 ₈	6.3 ₁₄	6.4 ₂₈	7.3 ₁₄	7.4 ₁₂	5.9 ₃₆	6.7 ₁₂	Đ	7.4 ₁₇		7.4 ₄	2 0	K	T	TT	
31	Nguyễn Tiến Quyền	HK1	8.5 ₁	7.4 ₂₂	7.5 ₁₃	8.2 ₈	7.5 ₂₆	5.6 ₃₄	7.0 ₁₅	6.0 ₃₉	7.7 ₆	6.9 ₁₇	5.9 ₃₇	Đ	7.1 ₂₄		7.1 ₁₉	1 0	K	T	TT	
32	Phạm Duy Thắng	HK1	8.3 ₃	7.9 ₁₀	7.9 ₆	8.7 ₁	7.9 ₈	5.8 ₂₅	7.1 ₁₀	7.1 ₁₇	7.1 ₁₈	6.4 ₂₇	6.8 ₈	Đ	7.1 ₂₄		7.3 ₈	1 0	K	T	TT	
33	Nguyễn Đức Thiện	HK1	5.8 ₃₂	7.6 ₁₅	7.3 ₂₀	7.8 ₁₉	7.5 ₂₆	4.0 ₄₁	7.4 ₅	6.6 ₃₁	6.3 ₃₈	6.1 ₃₃	6.1 ₃₂	Đ	6.9 ₃₃		6.6 ₃₅	1 1	Tb	K		

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Phạm Thiêm Thiện	HK1	5.7 ₃₄	6.3 ₃₉	6.7 ₃₆	6.3 ₃₈	7.4 ₃₀	5.9 ₂₂	6.0 ₃₆	7.0 ₂₀	6.4 ₃₇	6.4 ₂₇	5.9 ₃₇	Đ	6.5 ₄₀		6.4 ₃₈	1 0	Tb	K		
35	Nguyễn Thị Thùy	HK1	7.4 ₁₃	7.9 ₁₀	7.8 ₇	7.6 ₂₅	7.9 ₈	6.3 ₁₄	7.4 ₅	7.0 ₂₀	7.6 ₉	6.3 ₃₀	6.7 ₁₂	Đ	8.0 ₆		7.3 ₈	0 0	K	T	TT	
36	Nguyễn Thị Thùy	HK1	7.2 ₁₄	6.7 ₃₂	7.5 ₁₃	6.8 ₃₆	8.1 ₃	6.4 ₁₂	7.2 ₉	7.4 ₁₂	6.9 ₂₅	6.6 ₂₁	6.9 ₃	Đ	8.1 ₃		7.2 ₁₃	0 0	K	T	TT	
37	Đỗ Như Toàn	HK1	6.2 ₃₀	6.6 ₃₃	7.2 ₂₅	7.3 ₃₂	7.7 ₁₅	6.4 ₁₂	7.5 ₄	6.9 ₂₄	5.9 ₄₀	7.0 ₁₃	6.9 ₃	Đ	8.0 ₆		7.0 ₂₁	0 0	Tb	T		
38	Phạm Văn Trung	HK1	8.2 ₄	7.8 ₁₃	7.5 ₁₃	8.3 ₅	8.0 ₆	5.7 ₂₉	7.0 ₁₅	6.7 ₂₇	6.6 ₃₄	7.5 ₃	6.9 ₃	Đ	8.5 ₁		7.4 ₄	0 0	K	T	TT	
39	Nguyễn Hữu Trường	HK1	7.7 ₈	7.4 ₂₂	7.3 ₂₀	7.5 ₂₉	7.6 ₁₆	6.0 ₂₀	6.1 ₃₄	7.0 ₂₀	7.0 ₂₃	7.4 ₄	6.8 ₈	Đ	8.4 ₂		7.2 ₁₃	0 0	K	T	TT	
40	Nguyễn Quang Việt	HK1	7.1 ₁₈	8.0 ₇	7.5 ₁₃	7.4 ₃₁	7.4 ₃₀	5.8 ₂₅	7.0 ₁₅	6.6 ₃₁	6.9 ₂₅	7.0 ₁₃	6.4 ₂₀	Đ	7.0 ₂₈		7.0 ₂₁	1 0	K	T	TT	
41	Hoàng Đức Vương	HK1	5.7 ₃₄	7.4 ₂₂	7.5 ₁₃	7.8 ₁₉	7.4 ₃₀	6.3 ₁₄	6.1 ₃₄	7.8 ₅	8.0 ₁	5.7 ₄₀	6.4 ₂₀	Đ	7.0 ₂₈		6.9 ₂₇	4 4	Tb	K		

Số ngày nghỉ có phép:58

Số ngày nghỉ không phép:22

Hạnh kiểm:

- Tốt: 29

- Khá: 10

- Trung bình: 2

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 0

- Khá: 33

- Trung bình: 8

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 0

- Tiên tiến: 32

Ngày..... tháng..... năm

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)